

Số: **01/2022/QĐST-HNGĐ**

T M, ngày 27 tháng 01 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông An Văn Khoái.

Thư ký phiên họp: Ông Nguyễn Văn Hùng -Thư ký Toà án nhân dân huyện T M, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T M, tỉnh Hải Dương tham gia phiên họp: Bà An Thị Hà Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T M, tỉnh Hải Dương tiến hành mở phiên họp công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 01/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2022 về việc “Yêu cầu huỷ kết hôn trái pháp luật và công nhận quan hệ hôn nhân” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2022/QĐST-VDS ngày 21 tháng 01 năm 2022, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: **UBND xã L H, huyện T M, tỉnh Hải Dương.**

Người đại diện theo pháp luật của người yêu cầu: Ông Bùi Văn Tiến - Chủ tịch UBND xã L H.

Người yêu cầu vắng mặt có đơn đề nghị vắng mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Anh **Phạm Văn H**, sinh ngày 21/7/1974 (Quê quán: thôn Đại Đồng, xã L H huyện T M, tỉnh Hải Dương) và chị **Phạm Thị L**, sinh ngày 19/10/1980; ĐKKHKT đều ở: Thôn B T , xã Hồng Quang, huyện T M, tỉnh Hải Dương.

Anh H, chị L vắng mặt có đơn đề nghị vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Qua quá trình kiểm tra lý lịch và các tài liệu lưu trữ tại UBND xã L H và yêu cầu của công dân. UBND xã L H phát hiện trường hợp anh Phạm Văn H, sinh ngày 21/7/1974 và chị Phạm Thị L, sinh ngày 19/10/1980, có hộ khẩu thường trú tại: Thôn B T , xã Hồng Quang, huyện T M, tỉnh Hải Dương kết hôn ngày **24 tháng 3 năm 1997** tại UBND xã L H là trái pháp luật. Căn cứ theo các giấy tờ tùy thân của chị Phạm Thị L thể hiện chị Phạm Thị L, sinh ngày 19/10/1980 nhưng đến ngày ngày **24 tháng 3 năm 1997** đã tiến hành đăng ký kết hôn với anh Phạm Văn H (thời điểm đăng ký kết hôn, anh H là công dân sinh sống, cư trú tại thôn Đại Đồng, xã L H); khi đó chị L còn thiếu 06 tháng 26 ngày mới đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân gia đình

năm 1986: “*Nam từ 20 tuổi trở lên, Nữ từ 18 tuổi trở lên*”. Vì vậy, khi đến đăng ký kết hôn tại UBND xã L H, anh H và chị L đã thống nhất khai chị L sinh ngày 20/3/1979, đồng thời việc kiểm tra lý lịch của cán bộ tư pháp thời điểm đó còn chưa chính xác nên đã đăng ký kết hôn cho anh H, chị L và ghi trong giấy chứng nhận kết hôn là anh Phạm Văn H, sinh ngày 21/7/1974 và chị Phạm Thị L, sinh ngày 20/3/1979. UBND xã L H nhận thấy việc kết hôn và ban hành giấy chứng nhận kết hôn là trái pháp luật. Việc đăng ký kết hôn trái pháp luật đã gây ra cho anh H và chị L nhiều vấn đề khó khăn trong quá trình sinh sống và ảnh hưởng đến việc học hành, thi cử đối với các con của anh chị khi các tài liệu hồ sơ, năm sinh của mẹ không khớp nhau và các cháu không được làm các thủ tục đăng ký dự thi đại học vào các trường mình yêu thích. Hiện tại anh H và chị L vẫn chung sống hạnh phúc, có con chung, không có mâu thuẫn gì và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B T , xã Hồng Quang, huyện T M, tỉnh Hải Dương. Vì vậy UBND xã L H đề nghị Tòa án nhân dân huyện T M hủy việc kết hôn trái pháp luật (kèm chứng nhận kết hôn của UBND xã L H cấp cho anh H và chị L ngày 24/3/1997). Bên cạnh đó, nếu anh H và chị L có yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn thì đề nghị Tòa án nhân dân huyện T M tạo điều kiện để công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh H, chị L trình bày: Anh chị được tự do, tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L H ngày 24/3/1997. Tuy nhiên, tại thời điểm đi đăng ký kết hôn, chị L chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo Luật Hôn nhân gia đình thời điểm đó (chị L sinh ngày 19/10/1980, nên còn thiếu 06 tháng 26 ngày mới đủ tuổi đăng ký kết hôn theo Luật HNGĐ 1986). Vì vậy, khi đến UBND xã L H làm thủ tục đăng ký kết hôn, vợ chồng anh chị thống nhất khai tăng tuổi chị L là Phạm Thị L từ 19/10/1980 thành sinh ngày 20/3/1979 để có thể đủ tuổi đăng ký kết hôn. Sau đó, UBND xã L H đã đăng ký kết hôn cho anh chị tại Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 16/1997, quyển số 01, ngày 24/3/1997, thể hiện Phạm Văn H, sinh ngày 21/7/1974 và chị Phạm Thị L, sinh ngày 20/3/1979. Kể từ thời điểm đăng ký kết hôn cho đến nay, vợ chồng anh chị về tổ chức cuộc sống chung hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì và đã sinh được 01 con chung là Phạm Văn Học, sinh ngày 22/6/2000. Vì vậy, vợ chồng anh chị cùng thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân huyện T M, tỉnh Hải Dương công nhận quan hệ hôn nhân của vợ chồng anh chị kể từ thời điểm vợ chồng anh chị đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T M tham gia phiên họp phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp và thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý vụ việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự

kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự là đúng quy định. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện T M áp dụng: Khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối Cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối Cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

+ Không chấp nhận đơn yêu cầu của UBND xã L H, huyện T M, tỉnh Hải Dương.

+ Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Văn H, sinh ngày 21/7/1974 và Phạm Thị L, sinh ngày 19/10/1980, tại thời điểm anh chị đủ điều kiện đủ điều kiện kết hôn.

+ Về lệ phí: Anh Phạm Văn H và chị Phạm Thị L phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; Ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện T M, tỉnh Hải Dương nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Anh Phạm Văn H (quê quán tại thôn Đại Đồng, xã L H) và chị Phạm Thị L hiện đều có hộ khẩu thường trú tại thôn B T , xã Hồng Quang, huyện T M, tỉnh Hải Dương. Thời điểm anh H, chị L đăng ký kết hôn tại UBND xã L H.

Qua kiểm tra, UBND xã L H phát hiện trường hợp anh H và chị L kết hôn trái pháp luật nên đề nghị Tòa án nhân dân huyện T M hủy việc kết hôn trái pháp luật (kèm giấy chứng nhận đăng ký kết hôn của anh H và chị L năm 1997), đồng thời trong quá trình giải quyết, anh H và chị L đề nghị Tòa án nhân dân huyện T M công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn. Căn cứ Điều 10, Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, việc Tòa án nhân dân huyện T M thụ lý vụ việc dân sự là đúng thẩm quyền.

[2] Về tố tụng: Người yêu cầu là UBND xã L H; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh H và chị L vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp là phù hợp với quy định tại khoản 2, 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án sẽ tiến hành mở phiên họp vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật (kèm theo giấy chứng nhận kết hôn của anh H và chị L năm 1997) của UBND xã L H và yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh H, chị L kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn là có căn cứ chấp nhận.

Căn cứ theo các tài liệu chính gồm: Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu gia đình, giấy khai sinh và một số giấy tờ tùy thân khác thì chị Phạm Thị L, sinh ngày 19/10/1980 nhưng đến ngày ngày **24 tháng 3 năm 1997** đã tiến hành đăng ký kết hôn với anh Phạm Văn H (thời điểm đăng ký kết hôn, anh H là công dân sinh sống, cư trú tại thôn Đại Đồng, xã L H), khi đó chị L còn thiếu 06 tháng 26 ngày mới đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 5 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986: “*Nam từ 20 tuổi trở lên, Nữ từ 18 tuổi trở lên*”. Vì chị L chưa đủ tuổi để kết hôn nên đã thống nhất với anh H khai với cán bộ đăng ký kết hôn xã L H họ tên, ngày tháng năm sinh là Phạm Thị L, sinh ngày 20/3/1979 để chị L có thể đủ tuổi đăng ký kết hôn. Do sơ suất trong việc kiểm tra lý lịch công dân nên cán bộ đăng ký kết hôn thời điểm đó đã đăng ký kết hôn cho anh H và chị L, thể hiện tại Giấy chứng nhận kết hôn số 16/1997, quyển số 01, ngày 24/3/1997 ghi anh Phạm Văn H, sinh ngày 21/7/1974 và chị Phạm Thị L, sinh ngày 20/3/1979. Việc kết hôn đó đã vi phạm vào Điều 5 Luật Hôn nhân gia đình năm 1986 và là kết hôn trái pháp luật. Do vậy UBND xã L H có đơn yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật (kèm theo giấy chứng nhận kết hôn của anh H và chị L năm 1997) là có căn cứ chấp nhận theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi đăng ký kết hôn anh H và chị L đã chung sống hạnh phúc và có với nhau 01 con chung là Phạm Văn Học, sinh ngày 22/6/2000. Quá trình chung sống, anh H và chị L không có mâu thuẫn gì và đều thống nhất đề nghị công nhận quan hệ hôn nhân cho anh chị kể từ thời điểm đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Yêu cầu công nhận hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện và hợp pháp theo quy định tại khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; điểm a, b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân Tối Cao, Viện Kiểm sát nhân dân Tối Cao, Bộ Tư Pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Do đó, không cần hủy việc kết hôn trái pháp luật mà công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh Phạm Văn H và chị Phạm Thị L kể từ thời điểm anh chị đủ điều kiện kết hôn là ngày **19/10/1998**.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự:

- UBND xã L H, huyện T M, tỉnh Hải Dương không phải nộp lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự;

- Anh H và chị L có đơn yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân kể từ thời điểm đủ điều kiện kết hôn nên phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Khoản 6 Điều 3, Điều 8, 10, 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a, b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ

tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 149, 370, 371 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2016; **Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.**

1. Không chấp nhận yêu cầu của UBND xã L H, huyện T M, tỉnh Hải Dương về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật của anh Phạm Văn H và chị Phạm Thị L.

Chấp nhận yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân của anh Phạm Văn H và chị Phạm Thị L.

2. Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh **Phạm Văn H**, sinh ngày 21/7/1974 (quê quán: thôn Đại Đồng, xã L H huyện T M, tỉnh Hải Dương) và chị **Phạm Thị L**, sinh ngày 19/10/1980; ĐKKHKT đều ở: Thôn B T , xã Hồng Quang, huyện T M, tỉnh Hải Dương kể từ thời điểm hai bên đủ điều kiện kết hôn (*Kể từ ngày 19 tháng 10 năm 1998*).

3. Về lệ phí:

- UBND xã L H, huyện T M, tỉnh Hải Dương không phải chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

- Anh Phạm Văn H và chị Phạm Thị L phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng, được đối trừ vào tiền tạm ứng lệ phí anh H, chị L đã nộp theo biên lai số: AA/2020/0004097 ngày 19 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T M, tỉnh Hải Dương.

4. Quyền kháng cáo: UBND xã L H; anh H và chị L có quyền kháng cáo Quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định hoặc Quyết định được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra Quyết định; Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày kể từ ngày ra Quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T M;
- UBND xã L H;
- Chi Cục THADS huyện T M;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN HỢP

An Văn Khoái